

Số: 284/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án “Khu dân cư phía Đông đường số 2, xã Minh Quang,  
huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Khu A)”**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2567/STNMT-CCBVMT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu dân cư phía Đông đường số 2, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Khu A)”;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 620/TTr-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu dân cư phía Đông đường số 2, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Khu A)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vũ Thư (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vũ Thư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân



huyện Vũ Thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Quang và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vũ Thư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT. /



Lại Văn Hoàn

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
(Kèm theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Khu dân cư phía Đông đường số 2, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Khu A).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vũ Thư
- Địa chỉ: Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng cụm dân cư phía Đông đường số 2, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, bao gồm các hạng mục:

- San lấp mặt bằng và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích đất thực hiện dự án là 61.341,9 m<sup>2</sup>, trong đó:

- + Đất ở nhà liên kế 247 lô, diện tích 24.927,3 m<sup>2</sup>;
- + Đất ở biệt thự, nhà vườn 29 lô, diện tích 5.205,6 m<sup>2</sup>;
- + Đất ở nhà ở xã hội diện tích 5.213,9 m<sup>2</sup>;
- + Đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 1.908,7 m<sup>2</sup>;
- + Đất giao thông diện tích 23.726,4 m<sup>2</sup>;
- + Đất Nhà văn hóa diện tích 360 m<sup>2</sup>.

- Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ và vỉa hè;

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm:

- + Hệ thống cống, rãnh thoát nước mặt;
- + Hệ thống cống, rãnh thu gom nước thải;
- + Hệ thống cấp nước cho khu dân cư;
- + Hệ thống cấp điện cho khu dân cư.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Hạng mục công trình chính: Đường số 2A lòng đường rộng 7,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 250,95 m; đường số 2B lòng đường rộng 7 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 96,2 m; đường số 3 lòng đường rộng 10,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 262,1 m; đường số 5 lòng đường rộng 10,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, chiều dài 79,2 m; đường số 5a lòng đường rộng 5,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3 m, chiều dài 126,4 m; đường số 5b lòng đường rộng 7,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 179,9 m; đường số 5d lòng đường rộng 7,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 126,4 m; đường số 6 lòng đường rộng 14 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, chiều dài 175,7 m; đường số 6a lòng đường rộng 7,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m, chiều dài 175,7 m.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống cây xanh.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án xả nước thải sau xử lý vào kênh Kiến Giang là nguồn nước mặt có được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

### 2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; phế thải từ phá dỡ công trình trên đất, thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

### 3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

#### 3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng... khoảng 5,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD<sub>5</sub>, TSS, amoni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 222,75 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD<sub>5</sub>, TSS, amoni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

#### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt 10 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt 1.620 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng 924,7 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 8,847 tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt: 42.106,4 tấn; phế thải từ hoạt động phá dỡ công trình trên đất 1.785,36 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng  $0,125 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; cặn lắng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải khoảng  $337,2 \text{ kg/năm}$ .

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng  $240 \text{ kg}$  trong cả giai đoạn xây dựng, bao gồm: dầu thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng  $724 \text{ kg/năm}$ , bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, pin thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình rửa cốt liệu được xử lý bằng 02 bể lắng nhựa HDPE di động, có thể tích  $1 \text{ m}^3$ ; nước thải từ khu vực rửa xe được xử lý bằng bể 02 ngăn xây bằng gạch, thể tích  $6 \text{ m}^3$ ; nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động loại 02 buồng, thể tích mỗi bồn chứa nước  $1,5 \text{ m}^3$  để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ 01 ngày/lần thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Được thu gom bằng các hố ga với các cửa thu nước được bố trí dọc theo các tuyến đường với khoảng cách trung bình từ  $40\text{m}/1\text{hố}$ . Nước mưa được thu gom thông qua hệ thống rãnh dọc B40-60-100cm, chảy ra kênh Kiến Giang. Khối lượng hệ thống thoát nước mưa gồm: Cống hộp (75x75) cm loại 8m: 02 cái; cống hộp (75x75) cm loại 10m: 14 cái; cống hộp (75x75) cm loại 13m: 05 cái; cống hộp (100x100) cm loại 10m: 01 cái; cống hộp (100x100) cm loại 13m: 01 cái; cống hộp (100x100) cm loại 17m: 02 cái; rãnh dọc B40 dài 2.163,5 m, rãnh dọc B60 dài 734 m, rãnh dọc B100 dài 613m; hố ga: 132 cái; số điểm xả: 01 điểm.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thu gom bằng đường ống HDPE D225 – D315 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C xả ra kênh Kiến Giang, tọa độ xả thải:

$$X(m)=2260632,58 \quad Y(m)=581702,144$$

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Kích thước các bể (dài x rộng x cao) (m): Bể thu gom (4,5 x 1,3 x 3,5), Bể điều hòa (10,0 x 4,5 x 3,5), Bể anoxic (5,2 x 4,5 x 3,5), Bể aroten (14,1 x 4,0 x

3,5), Bể lắng sinh học (4,5 x 4,0 x 3,5), Bể khử trùng (4,0 x 1,6 x 3,5), Bể chứa bùn (4,5 x 3,4 x 3,5).

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông.

+ Đối với mùi tại khu vực xử lý nước thải: Lắp đặt thiết bị xử lý mùi dạng hình tháp, mùi trong các bể xử lý được thu gom bằng quạt hút công suất 10.000 m<sup>3</sup>/giờ qua đường ống uPVC dẫn qua lớp than hoạt tính chứa trong tháp hấp phụ.

+ Tăng cường biện pháp vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ; vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đúng quy trình.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt hợp đồng với đội vệ sinh môi trường xã Minh Quang thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế đổ thải tại địa điểm đã được thỏa thuận với địa phương; đất thải từ quá trình đào móng và bóc tách đất hữu cơ: Tận dụng để trồng cây xanh thuộc dự án, đắp công trình, đắp đường, phần còn lại hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải sinh hoạt đối với khu vực dân cư và các cơ sở công cộng, thương mại được thu gom, phân loại và chứa trong thùng đựng rác gia đình, được tổ vệ sinh môi trường khu vực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; đối với các công trình công cộng, khu vực cây xanh đặt các thùng rác dung tích 120 lít, có nắp đậy bố trí dọc theo các đường dạo với tổng 10 thùng, mỗi điểm đặt 02 thùng chứa rác có màu khác nhau để phân loại rác, hàng ngày đội vệ sinh môi trường của xã tiến hành thu gom, vận chuyển để xử lý; bùn thải từ trạm xử lý nước thải: Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

#### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại điểm đầu và điểm cuối hướng gió.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

## 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.